



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Tel: 024 3 7724466 Fax: 024 3 7724460 Website: www.pti.com.vn

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Hà Nội, năm 2021

12

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	2
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	7
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến	7
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 9. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	10
Việc thông báo Nghị quyết của HĐQT được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT	11
Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	11
Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty	11
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	12
Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	12
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC	13
Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	13
Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	13
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	14
Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	14
Điều 18. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác	16
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	18
Điều 19. Sửa đổi và bổ sung quy chế	18
Điều 20. Ngày hiệu lực	18

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng 4 năm 2021)

Căn cứ :

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện sửa đổi lần thứ 13 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngàytháng....năm 2021.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt.

- a. “Tổng công ty” là Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.
- b. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông.
- c. “HĐQT”: Hội đồng quản trị.
- d. “BKS”: Ban kiểm soát.
- e. “Điều lệ Tổng công ty” là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện sửa đổi lần thứ 13 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngàytháng....năm 2021.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau.

- a. “Quản trị Tổng công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý.

- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS.
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan.
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông.
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng công ty.

b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại Điều 32 Luật chứng khoán.

c. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

d. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Tổng công ty theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

e. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

f. “*Thành viên HĐQT không điều hành*” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

h. *Người phụ trách quản trị Tổng công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 32 - Điều lệ Tổng công ty.

i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

s) “*Ngày*” có nghĩa là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ (nếu có) theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

t) “*Ngày làm việc*” có nghĩa là tất cả các ngày theo dương lịch trừ thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

a. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

b. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 15, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 14, Điều lệ Tổng công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp.

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

- Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Tổng công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

- Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông: Cổ đông có yêu cầu cung cấp thông tin thực hiện gửi văn bản yêu cầu đến Người phụ trách quản trị công ty/Ban thư ký tại trụ sở chính Tổng công ty. Tổng công ty sẽ cung cấp thông tin theo yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các quy chế khác.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham họp Đại hội đồng cổ đông.

Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)

4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

a. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 18, Điều lệ Tổng công ty. Cụ thể:

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ.

b. Nội dung thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải gồm các thông tin chính sau:

- Tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông.
- Thời gian tổ chức.
- Địa điểm tổ chức.

- Nội dung cuộc họp.
- c. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
 - Phiếu biểu quyết.
 - Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 5. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp).
 - Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
 - Các kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp được thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 18, Điều lệ Tổng công ty.
- 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều lệ Tổng công ty.
- 7. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 - a. Trước ngày họp ĐHĐCĐ, cổ đông hay người được ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ bằng email hoặc điện thoại theo Thông báo tổ chức họp ĐHĐCĐ.
 - b. Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ.
 - Mỗi cổ đông hay người được ủy quyền của cổ đông khi tới tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ phải mang theo giấy mời họp, CMND/Hộ chiếu/ CCCD, riêng đối với người được ủy quyền của cổ đông phải nộp thêm Giấy ủy quyền cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
 - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 19. Điều lệ Tổng công ty.
- 9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết.
 - a. Điều kiện tham gia biểu quyết:
 - Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua một trong hai hình thức:

- + Thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội, hoặc
- + Thực hiện bỏ phiếu từ xa.
- Để có thể thực hiện quyền biểu quyết, Cổ đông phải đáp ứng các điều kiện:
 - + Hoàn tất khâu đăng ký và kiểm tra tư cách hợp lệ tại Đại hội hoặc đáp ứng thủ tục, cách thức về hình thức bỏ phiếu từ xa;
 - + Thời điểm thực hiện quyền biểu quyết: trước thời điểm Đại hội hoàn tất việc thu thập ý kiến biểu quyết của các Cổ đông.

b. Cách thức biểu quyết:

- Tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ được cổ đông biểu quyết công khai tại đại hội bằng hình thức giơ “Thẻ biểu quyết” theo các tình trạng Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến, theo sự điều hành của Chủ tọa cho từng vấn đề.
- Ngoài ra, Cổ đông có thể biểu quyết bằng hình thức ghi ý kiến vào “Phiếu lấy ý kiến biểu quyết” và gửi về cho Ban kiểm phiếu. Cách thức biểu quyết cụ thể tuân thủ Quy chế tổ chức đại hội, Thẻ lệ biểu quyết tại mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

11. Cách thức kiểm phiếu, ghi nhận kết quả kiểm phiếu.

- Đối với hình thức biểu quyết công khai thông qua “Thẻ biểu quyết”:

Sau khi Chủ tọa hỏi ý kiến của ĐHĐCĐ về từng nội dung biểu quyết, Ban kiểm phiếu sẽ đếm, ghi nhận, và tổng hợp tình trạng biểu quyết (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến) và tỷ lệ biểu quyết theo từng tình trạng so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội. Kết quả ghi nhận sẽ được báo cáo ĐHĐCĐ ngay trước khi bế mạc cuộc họp và Ban Thư ký ghi nhận lại để đưa vào Biên bản họp ĐHĐCĐ.

 - Đối với hình thức biểu quyết kín thông qua “Phiếu lấy ý kiến biểu quyết”:
 - + Sau khi cổ đông hoàn tất việc biểu quyết, Ban kiểm phiếu thu thập “Phiếu lấy ý kiến biểu quyết” từ thùng phiếu đã được niêm phong và dán nhãn tương ứng;
 - + Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu lấy ý kiến biểu quyết và thực hiện kiểm phiếu;
 - + Kết quả biểu quyết sẽ được xác định cho từng nội dung biểu quyết, và được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) làm tròn đến 2 số thập phân;
 - + Kết quả kiểm phiếu được tổng hợp và cập nhật vào Biên bản Kiểm phiếu và Biên bản họp ĐHĐCĐ;
 - + Ban kiểm phiếu có trách nhiệm in Biên bản Kiểm phiếu và ký xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.
 - Biên bản Kiểm phiếu cần có các nội dung sau:
 - + Số cổ phần biểu quyết;
 - + Tỷ lệ biểu quyết cho từng tình trạng: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến;
 - + Các vấn đề được Đại hội thông qua theo quy định về tỷ lệ biểu quyết.
 - Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp.
 - Cách thức kiểm phiếu đối với hình thức bỏ phiếu từ xa tuân thủ Quy chế tổ chức Đại hội và Thẻ lệ biểu quyết tại mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

12. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua quy định tại Điều 21, Điều lệ Tổng công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, theo sự điều hành của Chủ tọa, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu Đồng ý, số phiếu Không đồng ý, số phiếu Ý kiến khác đối với từng vấn đề.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (Theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp).

a. Trường hợp Cổ đông phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì Cổ đông đó phải thực hiện bằng hình thức văn bản, ghi rõ họ tên và mã số dự đại hội của cổ đông và nội dung, lý do về việc phản đối. Văn bản đó sẽ được chuyển đến Thư ký đại hội để ghi nhận.

b. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Lập biên bản họp ĐHĐCĐ được quy định theo Điều 23, Điều lệ Tổng công ty.

16. Công bố Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

a. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong vòng 24h kể từ thời điểm được thông qua.

b. Hình thức công bố thông tin: Đăng tải trên website www.pti.com.vn của Tổng công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a) Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: Không có.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được quy định tại Điều 22, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Trong quá trình hoạt động, Tổng công ty có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến. Hội đồng quản trị sẽ xây dựng Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua trước khi thực hiện.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 27, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại điểm 1, điểm 2, Điều 26, Điều lệ Tổng công ty.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.

a. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại điểm 3, Điều 26, Điều lệ Tổng công ty.

b. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 25. Điều lệ Tổng công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25, Điều lệ Tổng công ty.

Đối với nhóm cổ đông thực hiện đề cử phải có danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử kèm theo văn bản có xác nhận của các cổ đông trong nhóm thỏa thuận của nhóm cổ đông về việc đề cử thành viên HĐQT.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định theo quy định tại Quy chế bầu cử tại mỗi kỳ họp ĐHĐCĐ.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc Quy chế bầu cử tại mỗi kỳ họp ĐHĐCĐ.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại mục b. khoản 2. Điều 8 Quy chế này.

- Có đơn từ chức và được chấp thuận.

- Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty (nếu có).

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại.

d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Số lượng thành viên HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật (theo quy định tại khoản 1. Điều 154 Luật doanh nghiệp số lượng thành viên HĐQT tối thiểu là 3 người). Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

- Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên HĐQT liên quan đến bầu, miễn bãi nhiệm, Tổng công ty sẽ thực hiện thủ tục báo cáo thay đổi thông tin của người quản lý doanh nghiệp theo pháp luật doanh nghiệp và công bố thông tin theo pháp luật chứng khoán.

Hình thức công bố thông tin: Đăng tải trên website www.pti.com.vn của Tổng công ty.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

- Cổ đông, nhóm cổ đông đề cử, ứng cử ứng viên HĐQT theo đúng tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại mục b. khoản 2. Điều 8 Quy chế này.

- Toàn bộ hồ sơ được gửi đến Ban tổ chức ĐHĐCĐ tại Trụ sở chính Tổng công ty.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, HĐQT đương nhiệm sẽ giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại khoản 3. Điều 25, Điều lệ Tổng công ty.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phó chủ tịch HĐQT.

a. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phó chủ tịch HĐQT

- Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó chủ tịch HĐQT được bầu trong số các thành viên của Hội đồng quản trị.

- Trong cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị sẽ bầu ra thành viên có số phiếu cao nhất để triệu tập và chủ trì bầu chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó chủ tịch HĐQT. Trường hợp mà có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó.

- Tổng công ty phải thực hiện thủ tục chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định 73/2016/NĐ-CP.

b. Miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phó chủ tịch HĐQT

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT và Phó chủ tịch HĐQT được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

Điều 9. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị tối thiểu; các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường; Thông báo họp HĐQT; Quyền dự họp HĐQT của thành viên Ban kiểm soát; Điều kiện tổ chức họp HĐQT; Cách thức biểu quyết; Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 30, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

2. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị.

a. Người phụ trách quản trị Tổng công ty/thư ký Tổng công ty thực hiện ghi biên bản các cuộc họp HĐQT và có thể ghi âm, ghi hình cuộc họp để đảm bảo tính chính xác nội dung diễn biến, kết quả cuộc họp. Biên bản họp phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính.
- Thời gian, địa điểm họp.
- Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

b. Ngay sau mỗi cuộc họp, Người phụ trách quản trị Tổng công ty sẽ lập Biên bản ghi nhận diễn biến cuộc họp, Biên bản này có chữ ký xác nhận của tất cả các thành viên tham dự họp. Biên bản cuộc họp chính thức sẽ được hoàn thành trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Biên bản họp HĐQT sẽ có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa, người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị.

c. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

d. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a. Khoản 2. Điều này thì Biên bản họp này có hiệu lực.

4. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Việc thông báo Nghị quyết của HĐQT được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT.

Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT theo quy định tại Điều 31, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Tổng công ty.

- Có trình độ đại học trở lên.

- Có hiểu biết pháp luật, nắm vững các quy định pháp luật liên đến Tổng công ty, có chuyên môn, bằng cấp và các kỹ năng tổ chức phù hợp để thực hiện các công việc của Người phụ trách quản trị Tổng công ty.

- Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

2. Bổ nhiệm người Người phụ trách quản trị Tổng công ty.

- HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất 01 Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty.

- Tổng giám đốc đề cử HĐQT bằng văn bản việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

- Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty được thể hiện bằng Nghị quyết của HĐQT.

3. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty.

- HĐQT có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không được trái các quy định của pháp luật về lao động.

- Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty được thể hiện bằng Nghị quyết của HĐQT.

4. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty.

Được áp dụng theo quy định tại khoản 3. Điều 32. Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 39, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại khoản 1, Điều 37, Điều lệ Tổng công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại khoản 2, Điều 37, Điều lệ Tổng công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 36, Điều lệ Tổng công ty.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát.

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số Kiểm soát viên được bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định theo Quy chế bầu cử tại mỗi kỳ ĐHĐCĐ;

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại khoản 3, khoản 4, Điều 37, Điều lệ Tổng công ty.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.

a. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được quy định theo các quy định pháp luật về công bố thông tin.

b. Hình thức công bố thông tin: Đăng tải trên website www.pti.com.vn của Tổng công ty.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 41, Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc được quy định tại khoản 2, khoản 4, Điều 35, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc được quy định tại khoản 3, Điều 35, Điều lệ Tổng công ty.

2. Bổ nhiệm, nhiệm kỳ và ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.

a. Việc bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc.

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

- Hội đồng quản trị tổ chức họp để biểu quyết thông qua việc bổ nhiệm Tổng giám đốc. Việc bổ nhiệm sẽ được thể hiện bằng Nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc: 05 năm trừ khi HĐQT quyết định thời gian khác được ghi trong Nghị quyết về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc.

b. Việc ký Hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.

- Trường hợp HĐQT thuê người khác làm Tổng giám đốc (không phải là thành viên HĐQT). Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc.

- Tổng công ty phải thực hiện thủ tục chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với việc bổ nhiệm Tổng giám đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định 73/2016/NĐ-CP.

3. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.

- Việc miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc được thực hiện theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- HĐQT phải tổ chức họp để biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm Tổng giám đốc và được thể hiện bằng Nghị quyết HĐQT.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc được thực hiện theo các quy định pháp luật về công bố thông tin.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc.

a. Tổng công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Handwritten mark

b. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

- Tổng giám đốc được trả lương và thưởng theo quy định của Quy chế phân cấp Tổ chức - Nhân sự của Tổng công ty và theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thù lao, tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng giám đốc).

- HĐQT mời Trưởng ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT và có thể mời thêm một số thành viên Ban Tổng Giám đốc tham dự một số cuộc họp HĐQT. Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng Giám đốc (Ngoại trừ Tổng giám đốc là thành viên HĐQT) được mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Người phụ trách quản trị công ty sẽ thông báo văn bản Nghị quyết/Quyết định của HĐQT về cuộc họp này cho Trưởng ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thông qua Nghị quyết.

- Tại các phiên họp của Ban Kiểm soát có nội dung quan trọng, Trưởng ban kiểm soát có thể mời một số thành viên HĐQT và thành viên Ban Tổng Giám đốc tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng ban kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc. Ban kiểm soát thông báo kịp thời với HĐQT về kết quả hoạt động kiểm soát, đồng thời làm việc với HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với ĐHCĐ.

- Tại các phiên họp của Ban Tổng Giám đốc có nội dung quan trọng, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên HĐQT và Trưởng ban kiểm soát tham gia cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Tổng Giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho HĐQT và Trưởng ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

Bản sao các văn bản nghị quyết của HĐQT sẽ được chuyển đến cho Trưởng ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi thông qua Nghị quyết, cùng thời điểm các văn bản này được cung cấp cho các thành viên HĐQT.

3. Các trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.

a. Tổng giám đốc được quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp:

- Khủng hoảng phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động của Tổng công ty mà việc xử lý vượt quá khả năng của Tổng giám đốc.

- Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết HĐQT.

- Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền HĐQT đối với Tổng giám đốc.

b. Ban kiểm soát được quyền đề nghị triệu tập họp trong các trường hợp: Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo HĐQT căn cứ theo nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định tại Điều 35, Điều lệ Tổng công ty.

- Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 14 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.

- Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Tổng công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Tổng công ty.

5. Báo cáo việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

Các nội dung báo cáo việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc được báo cáo trong nội dung chương trình họp HĐQT.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của HĐQT, Ban kiểm soát và cách thức cung cấp thông tin.

- Vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, thành viên HĐQT, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Tổng công ty. Những yêu cầu này phải được lập thành văn bản và có sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT.

- Tổng giám đốc phải thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin được yêu cầu đúng theo quy định của pháp luật và Tổng công ty.

- Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động HĐQT.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

- Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Tổng công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

- Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.

- Ban kiểm soát, thành viên HĐQT có quyền truy vấn thông tin, số liệu, hồ sơ của Tổng công ty trực tiếp qua người đứng đầu các phòng ban trong Tổng công ty theo thừa lệnh của Tổng giám đốc. Trao đổi trực tiếp, gián tiếp giữa các thành viên Ban kiểm soát để làm sáng rõ vấn đề quan tâm, phục vụ lợi ích chung.

Điều 18. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. Phương thức đánh giá hoạt động: Tùy thuộc vào quy định của HĐQT từng thời kỳ, công tác đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc các người điều hành khác của Tổng công ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- a. Tự nhận xét, đánh giá.
 - b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm.
 - c. Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.
2. Tiêu chí đánh giá hoạt động.

HĐQT có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác căn cứ vào kế hoạch đề ra của từng năm, mức độ hoàn thành kế hoạch của từng thành viên. Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các người điều hành khác do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ.

3. Khen thưởng, kỷ luật.

a. HĐQT có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do HĐQT bổ nhiệm.

b. Tổng Giám đốc điều hành có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

c. Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Tổng công ty thực hiện theo quy chế về kỷ luật do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ và theo Quy chế phân cấp Tổ chức - Nhân sự của Tổng công ty.

4. Đối với thành viên HĐQT.

a. Đánh giá hoạt động: HĐQT sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (gồm cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT) theo định kỳ 06 tháng và hàng năm, dựa theo các chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của HĐQT.

b. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, HĐQT có quyền sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của HĐQT.

c. Kỷ luật: HĐQT chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT. Các thành viên HĐQT có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật hoặc miễn nhiệm,

bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT.

5. Đối với thành viên Ban Kiểm soát.

a. Đánh giá hoạt động: Ban Kiểm soát sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (gồm cả Trưởng ban) theo định kỳ 06 tháng và hàng năm, dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát.

b. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Trưởng ban Kiểm soát sẽ đề nghị HĐQT thẩm định và quyết định sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của HĐQT và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của HĐQT.

c. Kỷ luật: Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Các thành viên Ban Kiểm soát có thể bị kỷ luật hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

6. Đối với Tổng Giám đốc và các người điều hành khác.

a. Đánh giá hoạt động: HĐQT sẽ đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc và các người điều hành khác theo định kỳ 06 tháng và hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng ban Kiểm soát.

b. Khen thưởng: HĐQT sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng Giám đốc và các người điều hành khác theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước. HĐQT có quyền sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi để chi khen thưởng chung (trong đó có Tổng Giám đốc và các người điều hành khác), xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật.

c. Kỷ luật: Tổng Giám đốc và các người điều hành khác chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc điều hành có thể bị kỷ luật hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

7. Trách nhiệm về thiệt hại.

a. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi: được quy định theo Điều 42, Điều lệ Tổng công ty.

b. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

c. Bồi thường: được quy định theo Điều 43, Điều lệ Tổng công ty.

8. Khi cần thiết HĐQT Tổng công ty sẽ điều chỉnh, bổ sung quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành khác.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Sửa đổi và bổ sung quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

Điều 20. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 7 chương 20 Điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày tháng 4 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)